

KINH HIỀN NGU (*BĀLAPAṄḌITA SUTTA*)

Trung Bộ kinh, bài số 129



Hôm nay, chúng ta tìm hiểu bài kinh Hiền Ngu theo yêu cầu của một vị Phật tử. Đây là bài kinh số 129 trong Trung Bộ kinh. Tên Pāli của bài kinh là Bālapaṅḍita sutta. Chữ “bāla” trong tiếng Pāli, thuộc tính từ, có nghĩa là ngu si, điên rồ; danh từ có nghĩa là kẻ ngu si, điên rồ. Còn “paṅḍita” về tính từ có nghĩa là sáng suốt; danh từ là người có trí, bậc trí.

Giới thiệu bài kinh

Về địa điểm, bài kinh này được thuyết tại Kỳ Viên tịnh xá, trong vườn của hoàng thân Jeta, là Jetavana, thành phố Sāvatti. Đây là nơi đức Phật lưu trú lâu nhất trong số những trú xá được xây dựng dâng cúng đức Phật và Tăng chúng. Bài kinh này do đức Phật tự thuyết, không phải có ai thỉnh cầu cả.

Bây giờ chúng ta đi vào bài kinh để biết nội dung kinh văn nói gì.

Nội dung kinh văn và giảng giải

1. *Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà viên), tại tịnh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).*

Tại đây, Thế Tôn gọi các tỳ-khưu: “Này các tỳ-khưu.” - “Thưa vâng, bạch Thế Tôn”, các tỳ-khưu ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Trong bản dịch tiếng Việt thì có chú thích, chia thành các phần như: người ngu, địa ngục, cõi thú, người hiền trí,... Trong bản Pāli thì không chú thích rõ như vậy.

Người Ngu.

1. Quả hiện tại của người ngu

2. *Này các tỳ-khưu, có ba đặc điểm, đặc tướng và đặc ấn này của người ngu. Thế nào là ba? Ở đây, này các tỳ-khưu, người ngu tư duy ác tư duy, nói lời ác ngữ và hành các ác hạnh. Này các tỳ-khưu, nếu người ngu không tư duy ác tư duy, không nói lời ác ngữ, không hành các ác hạnh, thì làm sao kẻ trí biết được người ấy: “Người này là người ngu, không phải là chân nhân.”*

Khi đối chiếu với bản Pāli cùng bản dịch tiếng Việt, từ “chân nhân” được dùng ở đây thầy thấy chưa được ổn. Từ gốc nó là “sappuriso”, danh từ đã được

chia theo Chủ cách thuộc số ít, có nghĩa là người hiền lương, người có hạnh sống tốt lành, thiện hạnh. Chữ “chân nhân” ở đây nếu dùng với nghĩa như vậy thì được. Nhưng nếu hiểu theo nghĩa “chân nhân” là người chân chính hoặc theo nghĩa là người giác ngộ thì không đúng. Từ “asappuriso” có nghĩa ngược lại, là người sống ác hạnh, người bất lương, không phải người lương thiện. Đó là những điểm nhỏ cần được làm sáng tỏ.

Ba từ “*đặc điểm, đặc tướng, đặc ấn*” chỉ những dấu vết đặc biệt, thể hiện đặc biệt rõ ràng để mọi người có thể nhìn thấy được. Vậy ba cái thể hiện ra để nhận biết người ngu, đó là: suy nghĩ xấu độc, nói năng xấu độc và hành động cũng xấu độc.

- Suy nghĩ xấu độc là những tư duy hại người, tư duy về dục, tư duy tham độc, sân hận,...

- Lời nói xấu độc thuộc về khẩu là những lời nói dối trá, không thực, lừa gạt, nói lời thêm mắm dặm muối, hư cấu, lời đâm thọc gây chia rẽ...

- Hành động xấu độc là những hành vi thuộc về thân như uống rượu, dùng các chất say nghiện, có các hành vi gây tổn hại sinh mạng người, con vật hay đánh đập chúng và tà hạnh, trộm cắp,...

Đức Phật xác định những người này ngay trong đời sống hiện tại sẽ cảm thọ ba loại khổ ưu, các khổ đau cả về thân lẫn tâm.

3. Người ngu ấy, này các tỳ-khuru, ngay trong hiện tại cảm thọ ba loại khổ ưu. Này các tỳ-khuru, nếu người ngu ngồi giữa hội chúng, hay ngồi bên đường có xe cộ qua lại, hay tại ngã (ba, ngã tư) đường, tại đấy (nếu) có người nghĩ đến câu chuyện thích hợp về người ấy. Nếu người ngu, này các tỳ-khuru, sát sinh, lấy của không cho, theo tà hạnh trong dâm dục, nói láo, say rượu men, rượu nấu, thường ở đấy, này các tỳ-khuru, người ngu ấy suy nghĩ như sau: “Các người ấy nghĩ đến câu chuyện thích hợp về ta, vì những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy”. Này các tỳ-khuru, đây là loại khổ ưu thứ nhất, người ngu cảm thọ ngay trong hiện tại.

Những vị trí được nêu ra ở trên đều là những nơi nơi đám đông tụ tập, tụ hội. Khi người ngu ấy xuất hiện ở nơi như thế và bị người khác nhận ra mình là người có những ác hạnh về thân, khẩu, ý thì người ta sẽ rỉ tai nhau, truyền tai nhau về những ác hạnh, những việc làm bất thiện của con người đó. Đó là những biểu hiện thứ nhất của một người ngu cảm thọ khổ ưu, cảm nhận về những khổ ưu, đau khổ, buồn sầu trong hiện tại.

4. Lại nữa, này các tỳ-khuru, người ngu thấy các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ

xẻo tai cắt mũi; họ dùng hình phạt vạc đầu, họ dùng hình phạt bôi đờn hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khâu hình, hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), chúc thủ hình (dùng lửa đốt tay), khu hành hình (lấy rom bện lại rồi siết chặt), bì y hình (lấy vỏ cây làm áo), linh dương hình (hình phạt con dê núi), câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt), tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền), khối tráp hình, chuyển hình, cao đập đài, họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu.

Ở đây, này các tỳ-khuru, người ngu nghĩ như sau: “Do nhân các ác hành như vậy các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng... (như trên)..., họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu”. Này các tỳ-khuru, đây là loại khổ ưu thứ hai, người ngu cảm thọ ngay trong hiện tại.

Vừa rồi là liệt kê một loạt các hình phạt khủng khiếp mà trong thời đại của chúng ta không có nhưng ngày xưa rất thịnh hành ở Ấn Độ. Bây giờ, chúng ta nhiều khi không thể hình dung nổi con người ta sống với nhau mà có thể dùng những hình phạt như vậy để hành hạ, đánh đập, tra khảo. Trung Quốc hoặc Việt Nam cũng có một số hình phạt mà trong sử có ghi lại như ngũ mã phanh thây, đàn hương hình (phạm nhân

bị tội này sẽ bị trói, không mặc gì, và bị từng xéo từng miếng thịt, chỉ còn xương và những bộ phận chủ yếu để giữ cho sống, kéo dài sự đau khổ của phạm nhân),... hết sức khủng khiếp! Những hình phạt này, chắc chắn phạm nhân khi thọ hình thì hết sức đau khổ. Và cái “nghệ thuật” khi sử dụng những hình phạt này để tra tấn trừng phạt là không cho phạm nhân chết liền, mà kéo dài sự đau khổ, “sống không bằng chết”.

Một người ngu, bất lương, khi nhìn thấy những người có hành vi phạm tội giống như mình, sau khi bị bắt phải chịu những hình phạt ghê gớm như thế thì người này liên tưởng đến bản thân một ngày nào đó cũng sẽ bị bắt và bị đau khổ như vậy. Cho nên cả ngày cả đêm lo sợ, sầu khổ khi biết rằng những việc làm của mình trước sau gì cũng bại lộ. Đó là nỗi khổ ưu thứ hai mà kẻ ngu sẽ phải gánh chịu ngay trong đời kiếp này.

5. Lại nữa, này các tỳ-khuru, khi người ngu leo ngòi trên ghế, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ, những ác nghiệp người ấy làm từ trước, như thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè lên người ấy. Ví như, này các tỳ-khuru, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các tỳ-khuru, khi người ngu ngòi trên ghế, hay ngòi trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi ấy các nghiệp quá khứ của

người ấy, tức thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè lên người ấy.

Ở đây, này các tỳ-khuru, người ngu suy nghĩ như sau: “*Thật sự ta không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi mà làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi. Do không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi, mà do làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi nên phải đi đến ác thú; ác thú ấy sau khi chết ta phải đi*”. Người ấy sầu muộn, than van, than khóc, đấm ngực, rên la và rơi vào bất tỉnh. Này các tỳ-khuru, đây là sự khổ ưu thứ ba, ngay trong hiện tại, người ngu (phải) cảm thọ.

Câu này có nghĩa là gì? Đó là một người khi đã làm những hành vi bất thiện, tổn hại mình, tổn hại người thì trong mọi sinh hoạt hàng ngày, ngày và đêm luôn luôn bị ám ảnh bởi những tội lỗi mà mình đã làm. Chúng giống như cái bóng của mình, một vật bất ly thân, đi đâu nó cũng ám theo, đi đâu nó cũng lảng vảng quanh mình. Cho nên mới gọi là “*treo nằm, treo áp, treo đè*”.

Vậy tâm lý người đó thế nào? Người đó sợ hãi, khủng bố, khiếp đảm và chắc chắn ăn không ngon, ngủ không yên vì bị ám ảnh bởi những tội lỗi đó. Do bị ám ảnh bởi những việc làm ác của mình, người ngu ấy không phải là không có suy nghĩ. Người ấy có suy

ngĩ và liên tưởng đến những hậu quả do mình không làm những việc tốt đẹp, việc phước thiện cho nên chắc chắn mình sẽ bị đọa sinh vào cảnh khổ, vào ác thú sau khi chết; đến mức tự than thân trách phận, tự làm khổ đau mình, ăn năn, hối cải nhưng đã muộn rồi. Vì đau buồn nên người ấy có thể phải bất tỉnh.

Đây là nỗi khổ hay khổ ưu thứ ba, ngay trong hiện tại mà người ngu phải cảm thọ.

Như vậy, người ngu đã làm các hành vi về ý hành ác, khẩu hành ác và thân hành ác sẽ bị ba nỗi khổ hành hạ ngay trong hiện tại:

1. Bị dư luận phê phán, chê trách khi xuất hiện ở đám đông.

2. Sợ hãi khi nhìn thấy những người hành ác như mình, bị luật pháp trừng trị và lo sợ một lúc nào đó sẽ đến mình.

3. Ám ảnh về những việc làm tội lỗi, độc ác, xấu xa của mình, chi phối người ấy cả ngày lẫn đêm, hành hạ người ấy cả những lúc mà người ấy đi ngủ, người ấy sống trong ác mộng triền miên,...

Đó là ba khổ thọ, khổ ưu cả thân và tâm, cả vật lý và cả tâm lý mà người sống đời ác hạnh sẽ phải chịu ngay trong hiện tại.

6. *Này các tỳ-khuru, kẻ ngu kia sau khi làm thân ác hành, sau khi làm khẩu ác hành, sau khi làm ý ác hành, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.*

Và chắc chắn sau khi chết, người này sẽ bị đọa sinh vào các cảnh khổ, hợp với luật nhân quả nghiệp báo. Bốn từ đức Phật dùng để chỉ các cõi mà một người ngu, người bất thiện sẽ đọa sinh vào là *cõi dữ, ác thú, đọa xứ* và *địa ngục*. Những từ này thể hiện cho một cõi, một cảnh, mà ở đó chỉ có thọ khổ, không có bất kỳ sự an vui nào.

Bây giờ, đức Phật bắt đầu hướng chúng ta đến cõi giới tương lai của những người làm ác, bị quả báo nặng sẽ rơi vào.

2. Cảnh giới tái sanh của người ngu

2.1. Địa ngục

7. *Này các tỳ-khuru, nếu có ai nói một cách đúng đắn về người ấy, phải nói rằng người ấy hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về địa ngục, phải nói rằng địa ngục hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Về vấn đề này, này các tỳ-khuru, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự đau khổ của địa ngục.*

Để nói về địa ngục và để diễn tả những nỗi đau khổ ở đây thì không dễ gì ví dụ được, vì nó rất khủng khiếp. Trong các đoạn kinh tiếp theo, đức Phật sẽ trình bày lần lượt một số cảnh địa ngục, không phải toàn bộ. Có thể trên cơ sở này và một số bài kinh khác, trong các kinh sách hậu kỳ đời sau người ta xây dựng thành “mười tám tầng địa ngục”. Và trong đó, có một nơi khủng khiếp nhất, thọ khổ báo triền miên, cho dù chư Phật có ra đời cũng không giúp gì được cho chúng sinh ở đó. Đó là địa ngục Vô gián, dành cho những người phạm những tội cực kỳ nặng, chẳng hạn như giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm chảy máu Phật Toàn Giác và chia rẽ Tăng.

8. *Khi được nói vậy, một tỳ-khuru khác bạch Thế Tôn:*

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho con một ví dụ được không?

Thế Tôn đáp:

- Có thể được, này tỳ-khuru. Ví như, này tỳ-khuru, có người bắt được một tên trộm cắp, dẫn đến trước mặt vua và thưa: “Tâu Đại vương, đây là một tên trộm cướp phạm tội! Hãy hình phạt nó như Đại vương muốn”. Và vị vua ấy nói như sau về tên trộm cướp ấy: “Này các ông, hãy đi và vào buổi sáng hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo”. Và vào buổi sáng, họ đâm người phạm tội ấy với một trăm ngọn

giáo. Rồi đến trưa, vua nói như sau: “Này các ông, người ấy ra sao?” - “Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống”. Rồi vua lại nói như sau về tên trộm cướp ấy: “Này các ông, hãy đi và vào buổi trưa, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo”. Và vào buổi trưa, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến chiều, vua nói như sau: “Này các ông, người ấy ra sao?” - “Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống”. Rồi vua lại nói như sau về người kia: “Này các ông, hãy đi và vào buổi chiều, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo”. Và vào buổi chiều, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo.

Này các tỳ-khuru, ông nghĩ thế nào? Người ấy bị đâm ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy, có cảm thọ khổ ưu không?

- Bạch Thế Tôn, chỉ bị ngọn giáo đâm một lần, người kia do nhân duyên ấy cũng cảm thấy khổ ưu, còn nói gì đến ba trăm ngọn giáo!

9. Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói với các tỳ-khuru:

- Này các tỳ-khuru, các ông nghĩ thế nào? Cái gì lớn hơn hòn đá này, to bằng bàn tay do ta lượm lên, hay núi Tuyết Sơn (Himalaya), vua các loại núi?

- Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn, hòn đá này lớn bằng bàn tay do Thế Tôn lượm lên. So sánh với Tuyết

Sơn, vua các loại núi, nó không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần (của núi Tuyết), không thể so sánh được!

- Cũng vậy, này các tỳ-khuru, người ấy bị đâm bởi ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy cảm thọ khổ ưu. Khổ ưu ấy so sánh với khổ ưu ở Địa ngục không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được.

Một ví dụ rất cụ thể về thọ khổ của thân. Một người ăn cắp bị dẫn đến trước mặt một vị vua, tức là đại diện cho pháp luật tối cao. Nhà vua đã ra lệnh hành hình người ấy bằng cách cho đâm một trăm ngọn giáo, nếu chưa chết thì lại tiếp tục một trăm ngọn giáo. Từ sáng đến chiều, ba lần đâm như vậy nên tổng cộng người ấy bị đâm bởi ba trăm ngọn giáo. Với việc đâm một ngọn giáo vào thân của chúng ta, bất kỳ một người lành lặn nào cũng sẽ cảm thấy rất đau đớn, chắc chắn sẽ kêu la thống thiết chứ không phải là chuyện bình thường. Vậy mà người ăn cắp này, bị đâm tới ba trăm ngọn giáo thì nỗi đau đớn sẽ đến mức độ nào? Chắc chắn là không diễn đạt nổi!

Nhưng đức Phật nói cái khổ của một người bị đâm ba trăm ngọn giáo này là “không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được” với cái khổ của các phạm nhân phải chịu ở địa ngục. Như là hòn đá trên bàn tay mà đi so với

ngọn núi vua, to lớn, so sánh như thế là bất cập, vì nó quá nhỏ, không đáng kể gì so với cái to lớn, vĩ đại kia. Vậy giữa hai nỗi khổ, nỗi khổ bị ba trăm ngọn giáo đâm so với nỗi khổ ở địa ngục vẫn còn quá ít, vẫn còn quá nhẹ, vẫn còn quá nhỏ.

10. Nay các tỳ-khuru, các người giữ địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (pañcavidhabandhanam). Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Như vậy là năm điểm ở trên thân của một người phạm tội bị đóng bởi năm cọc sắt nung đỏ. Do năng lực của luật nhân quả, mặc dù bị thọ khổ thống thiết như vậy nhưng phạm nhân không thể chết, chỉ có trạng thái đau đớn đến ngất đi, tỉnh lại. Chỉ ví dụ này thôi, chúng ta thấy so với hình phạt đâm giáo, thì thọ khổ giữa hai bên đã hoàn toàn khác. Ba trăm ngọn giáo làm đau đớn phạm nhân và đem đến cái chết, chẳng hạn. Nhưng mà ở đây thọ khổ được kéo dài liên tục cho đến khi quả báo được trả hết. Đây là ví dụ thứ nhất của đức Phật về nỗi khổ của địa ngục, nó quá lớn

so với nỗi khổ mà phạm nhân ở thế gian gánh chịu. Đó là địa ngục thứ nhất.

11. Nay các tỳ-khuru, các người giữ địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Địa ngục thứ hai là hình phạt chặt bằng búa. Lấy búa chặt vào thân, chặt tay, chặt chân, chặt đầu, chặt người, chặt nhiều điểm khác trên thân thể. Nhưng do quả báo nghiệp, chặt đứt xong thì ngay sau đó nó sẽ liền lại. Sau khi liền lại, người giữ địa ngục (người ta hay gọi là quỷ sứ) sẽ tiếp tục dùng búa chặt, chặt từ ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác,... cho đến khi nào quả nghiệp của người ấy trả hết thì mới kết thúc giai đoạn thọ quả báo khổ bị búa chặt này.

12. Nay các tỳ-khuru, các người giữ địa ngục dựng ngược người ấy, kéo chân phía trên, chúc đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Hình phạt ở địa ngục thứ ba này cũng là bị chặt bằng búa, nhưng không phải để nằm, mà là treo người lơ lửng, đầu chúc xuống đất, chân dốc ngược lên trên

trời. Cứ như vậy, người ta lấy búa phang vào đầu thì đau đớn đở, thống thiết khổ sở. Nhưng sau đó vết thương lại lành liền để hình phạt tiếp diễn cho đến khi ác nghiệp hết năng lực. Hết sức là kinh khủng!

13. Nay các tỳ-khuru, các người giữ địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Địa ngục thứ tư, đó là cột phạm nhân vào một cái xe và kéo cái xe ấy chạy trên mặt đất. Mặt đất này được dùng các nguyên liệu đốt cho nó đỏ lên, thành ngọn, đỏ rực, cháy hùng hực. Và phạm nhân nằm trên cái xe chạy đó, giống như là người ta lấy con cá, con gà kẹp lại, nướng trên ngọn lửa đỏ. Với chiếc xe chạy tới lui liên tục như vậy, phạm nhân phải chịu sự thống khổ đó cho đến khi quả ác nghiệp chấm dứt.

14. Rồi này các tỳ-khuru, các người giữ địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Thay vì cái xe, địa ngục thứ năm với hình phạt kéo người trực tiếp trên than hồng. Ở địa ngục thứ tư là nằm trên xe, còn cách mặt đất được một chút. Còn ở đây nằm ngay trên mặt than hồng. Và người ta kéo người đó lên sườn núi, rồi kéo xuống sườn núi, và nướng trực tiếp ngay trên than đỏ. Một thọ hình thật là khủng khiếp, còn ghê sợ hơn những thọ hình trước.

15. Rồi này các tỳ-khưu, các người giữ địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với vạc nước sôi sùng sục, khi thì nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Và rồi địa ngục thứ sáu còn ghê gớm hơn nữa. Ở đây, vạc dầu bằng đồng được nung đỏ, sôi sùng sục, phạm nhân sẽ bị bỏ vô nồi nấu sống. Thân xác của phạm nhân khi thì chìm xuống khi thì nổi lên, khi trôi qua trôi lại... tùy theo tác động của lực đẩy. Ở đây, giống như người ta luộc gà, người ta thường nắm hai chân dốc ngược lên, cho cái đầu chúc xuống, và từ từ thả vào nồi nước sôi. Phạm nhân ở đây đau khổ cùng cực, đau đớn khốc liệt nhưng mà cũng không thể chết được cho đến khi nào nghiệp quả được trả hết.

Như vậy, là sáu loại địa ngục đức Phật trình bày đã khủng khiếp nhưng vẫn chưa đủ. Địa ngục tiếp theo sẽ còn hơn thế nữa.

16. Rồi này các tỳ-khuru, những người giữ địa ngục quăng người ấy vào đại địa ngục. Này các tỳ-khuru, đại địa ngục ấy có bốn góc, bốn cửa, chia thành các phần bằng nhau, xung quanh có tường sắt, mái sắt lợp lên trên. Nền địa ngục bằng sắt nung đỏ, cháy đỏ rực, đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do-tuần.

Nói dễ hiểu đó là một thùng sắt vuông vức, mỗi bề rộng một trăm do-tuần và được nung ở nhiệt độ cao liên tục, không bao giờ nhiệt độ giảm. Phạm nhân chịu thọ hình tại đại địa ngục này không cần nói cũng biết nỗi thống khổ, đau đớn khốc liệt như thế nào. Bây giờ ví dụ như chúng ta bị nhốt trong một thùng xe container, để dưới ánh nắng mặt trời trong mùa hè, chỉ ở trong đó một lúc chúng ta đã chịu không nổi cái nóng, cái khô, cái khát, đem so với phạm nhân bị quăng vào hỏa ngục này thì nỗi đau khổ thống thiết, thọ khổ ưu nào tả xiết được.

Từ đó, đức Phật kết luận:

17. Này các tỳ-khuru, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về địa ngục, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các tỳ-khuru, vì đau khổ ở địa ngục quá nhiều.

“Nhiều pháp môn” tức là nhiều cách khác nhau. Một số bài kinh khác, các cảnh giới về địa ngục còn được triển khai với nhiều nội dung khác nữa. Trong bài kinh này, đức Phật chỉ nói đến bảy địa ngục được phân loại ở trên. Đây là nơi mà một người có đời sống bất lương, bất thiện, độc ác, độc xấu có thể sẽ bị sa đọa vào, và thời gian thọ quả báo ở đây là triền miên, khó tính đếm được.

Bây giờ, chúng ta đi tiếp về một cảnh giới khổ đau, thấp kém khác. Đó là cõi Thú, là cõi của thế giới súc sinh.

2.2. Cõi Thú

18. Nay các tỳ-khuru, có những loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Chúng ăn những cỏ ướt và khô, với răng nhai nghiền loại cỏ ấy. Nay các tỳ-khuru, những sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ là gì? Các loại ngựa, trâu, bò, lừa, dê, nai hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Nay các tỳ-khuru, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, những loài hữu tình ăn cỏ.

Bàng sanh là một thuật ngữ trong Phật học để phân loại các loại chúng sinh được sinh trong bốn hình tướng là noãn, thai, thấp và hóa sinh. Bàng sinh

thường chỉ chung các loại chúng sinh có hơi thở, ăn cỏ (đa phần là loài bốn chân) như đức Phật liệt kê ở đoạn kinh trên.

Đây là loại động vật đầu tiên mà một người làm ác, sau khi chết có thể tái sinh, sinh vào cùng chủng loại với loài thú ăn cỏ.

19. *Này các tỳ-khuru, có các sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân. Chúng người được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây”. Ví như các bà-la-môn chạy đến, người được mùi lễ tế sanh, nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây”. Cũng vậy này các tỳ-khuru, có các loại sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, và ăn phân. Chúng người được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây”. Và này các tỳ-khuru, các sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân là gì? Các loại gà, heo, chó, chó rừng (dã can), hay tất cả các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn phân. Này các tỳ-khuru, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung sanh ra cộng trú với các loại hữu tình ấy, những loại hữu tình ăn phân.*

Một số chúng sinh được gọi là người ngu hoặc tạo những hành động bất thiện trong đời trước, sau khi chết có thể bị tái sinh vào trong các loài thú có hơi thở, nhưng lần này thức ăn không phải cỏ, mà là phân.

Đức Phật lấy một ví dụ dí dỏm, đó là giống như các vị bà-la-môn quen được mời ăn trong các buổi tế lễ, với thức ăn là các loại động vật được cúng tế như cừu, dê,... Vì đã quen với các mùi vị ấy, nên khi đi ngang qua một lễ hội, họ sẽ ngửi được ngay mùi thức ăn được bày ra. Và họ liền nghĩ: “Ta sẽ tới và ăn ở đó.” Ở đây, các loài thú có hơi thở, ăn phân, hoặc các thú phân hủy ra từ các xác động vật này cũng bắt mùi rất nhanh. Giống như ở quê ngày xưa nuôi chó, thường ít khi cho ăn đàng hoàng mà nó phải tự kiếm ăn. Khi những đứa trẻ nhỏ đại tiện lung tung chỗ này chỗ kia trong nhà hoặc ngoài vườn, thì những con chó không được ai dạy nhưng sinh ra nó đã có khả năng đánh mùi đối với loại thức ăn này nên tìm đến và giải quyết sạch sẽ ngay. Một số loài thú khác cũng thích ăn phân, như heo, gà,...

Chúng sinh sinh vào cảnh giới này do ác nghiệp chúng tạo ra ở đời trước, thì chúng sẽ cộng trú tức là chung sống với những loài này. Đó là cõi thú xấu xa thứ hai mà người ác có thể phải tái sinh vào.

20. Nay các tỳ-khuru, có các loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già

trong bóng tối và chết trong bóng tối. Nay các tỳ-khuru, những sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối là gì? Các loại côn trùng, con sùng, con dòi, con sâu đôm đóm và các loại sanh vật khác thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sống trong bóng tối. Nay các tỳ-khuru, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung sanh ra cộng trú với các loại hữu tình ấy, tức là các loại hữu tình sinh ra trong bóng tối, già trong bóng tối, chết trong bóng tối.

Đức Phật liệt kê lần lượt chúng sinh ở cõi thú, từ loại lớn đến loại nhỏ. Loại lớn là những con thú. Bây giờ là các loài nhỏ như côn trùng, sùng, dòi, đôm đóm,... những con vật mà sinh ra, lớn lên, già đi và chết trong bóng tối. Đây là loại thú thứ ba mà người ác có thể phải tái sinh vào.

21. Nay các tỳ-khuru, có những sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sinh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Và nay các tỳ-khuru, các sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước là gì? Các loại cá, rùa, cá sấu, hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Nay các tỳ-khuru, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng

chung sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước.

Đây là các loài thủy tộc, sinh ra, lớn lên, già và chết trong nước như các loại cá lớn nhỏ, rùa, cá sấu,... Đây là loại thú thứ tư mà người ác có thể phải tái sinh vào.

22. *Này các tỳ-khuru, có các sanh vật thuộc loài bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh. Và này các tỳ-khuru, các sanh vật ấy, các loại thuộc bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh là gì? Này các tỳ-khuru, các loài hữu tình nào sanh ra trong cá thúi hay già trong cá thúi, hay chết trong cá thúi, hay trong tử thi thúi, hay trong đồ ăn thúi, hay trong vũng nước, hay sinh ra trong đầm nước (nhóp), hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sinh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh. Này các tỳ-khuru, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh.*

Những loài chúng sinh được sinh ra trong những chỗ như nhóp thì gọi là sinh trong bất tịnh, đây là

ngôn ngữ ngày xưa. Ngày nay, theo khoa học hiện đại đã phân loại và gọi nó là thế giới của các vi sinh vật, gồm vi trùng, vi khuẩn và tế khuẩn. Những vi sinh vật này có thể là ký sinh hoặc sống độc lập. Loài ký sinh, sống nương tựa vào vật chủ thì có hai loại: Thứ nhất, gọi là vi khuẩn hay gọi là virus (vi-rút). Vi là nhỏ, khuẩn là nấm. Nó sống nương nhờ vật chủ là xác thực vật phân hủy (thức ăn thối, cây cỏ thối, mục,...); Thứ hai, loại này gọi là tế khuẩn hay còn gọi là vi sinh vật. Nó được sinh ra và tồn tại trong môi trường là xác thối của động vật. Còn một loại khác ở trong thế giới vi sinh vật, nhưng chúng hoàn toàn độc lập, không nương tựa vào vật chủ, được gọi là vi trùng (bacteria).

Vậy với hiểu biết của nhân loại như vậy, thì các điển đạt của đức Phật trình bày về thế giới này là có bước tiến khá xa so với hiểu biết chung của thời đại bấy giờ. Từ đó ta thấy được, vẫn có những chúng sanh do hành ác nghiệp ở đời này và khi tái sinh, đọa sinh vào các cảnh giới của vi trùng, vi khuẩn, chứ không phải chỉ có các động vật mà ta nhìn thấy. Đây là loại thứ năm trong cõi thú.

23. Nay các tỳ-khuru, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về các loại bàng sanh, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, nay các tỳ-khuru, vì đau khổ ở loài bàng sanh quá nhiều.

Câu này có nghĩa là những động vật lớn nhỏ có quá nhiều và nổi khổ vô cùng vô tận.

2.3. Cõi Người

24. Ví như, này các tỳ-khuru, một người quăng một khúc cây có một cái lỗ trên biển, một ngọn gió từ phương Đông thổi nó trôi qua phía Tây; một ngọn gió từ phương Tây thổi nó trôi qua phía Đông; một ngọn gió từ phương Bắc thổi nó trôi qua phía Nam; một ngọn gió từ phương Nam thổi nó trôi qua phía Bắc. Rồi có một con rùa mù, cứ một trăm năm mới trôi đầu lên một lần. Này các tỳ-khuru, các ông nghĩ thế nào? Con rùa ấy có thể đút cổ vào trong lỗ cây này được không?

- Nếu có được chẳng nữa, bạch Thế Tôn, thời chỉ được một lần, sau một thời gian rất lâu dài.

- Còn mau hơn, này các tỳ-khuru, con rùa mù ấy có thể chui cổ vào khúc cây có lỗ hổng kia; nhưng này các tỳ-khuru, Ta tuyên bố rằng còn khó hơn được làm người trở lại, một khi người ngu bị rơi vào đọa xứ. Vì sao vậy? Vì ở đấy, này các tỳ-khuru, không có pháp hành, an tịnh hành, thiện hành, phước hành. Này các tỳ-khuru, ở đây chỉ có ăn lẫn nhau và ăn thịt kẻ yếu.

Đức Phật đưa ra ví dụ về con rùa mù trong đại dương, cứ một trăm năm nó ngóc đầu lên khỏi mặt nước, nếu cái đầu con rùa đưa đúng vào khúc gỗ có một cái lỗ, trôi dạt trên đại dương. Khó khăn như thế, nhưng vẫn dễ hơn khi so với một chúng sinh đã bị đọa

vào địa ngục, các cõi thú mà được tái sinh làm người. Cho nên sau này trong kinh sách có câu: “*Nhân thân nan đắc*” với ý tương tự đoạn kinh này. Mọi người lưu ý, đây chỉ là ví dụ, chứ không có con rùa nào một trăm năm mới trôi lên bờ.

Trong thế giới của động vật, chỉ có hai cách tồn tại là ăn thịt lẫn nhau, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu. Cho nên không có một phương tiện nào để họ có thể ngoi lên được mà chỉ có thể tiếp tục lún sâu hơn nữa. Phải một thời gian rất lâu dài, sau khi đã hết hiệu lực quả báo xấu, kẻ ngu mới được làm người trở lại. Y sẽ sinh vào trong gia đình thấp kém, vị trí xã hội hạ cấp, phải mưu sinh cực nhọc để tồn tại hoặc ngũ quan khiếm khuyết như mù lòa, câm điếc, thân thể thô xấu, nhiều bệnh tật,...

25. *Và này các tỳ-khuru, nếu người ngu ấy sau một thời gian rất lâu dài, có được làm người trở lại, thì người ấy sẽ sanh trong gia đình thấp hèn, trong gia đình hạ cấp, trong gia đình kẻ đi săn, trong gia đình kẻ đan tre, trong gia đình người làm xe, hay trong gia đình người đồ phân, trong những gia đình nghèo khó, không đủ để uống hay để ăn, cho đến miếng vải che lưng cũng khó tìm được. Lại nữa, người ấy thô xấu, khó nhìn, lùn thấp, hay bệnh, mù hay có tật, què hay bị bại, người ấy không có thể được các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, giường nằm, chỗ trú xứ và ánh sáng. Người ấy hành*

thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành; vì hành thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành; sau khi thân hoại mạng chung, sinh ra trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Như vậy, sau một thời gian tái sanh vào các cảnh khổ (ác thú và địa ngục), thời gian chịu khổ đau không tính đếm được thì khi hết hiệu lực quả báo, được trở lại làm người, họ không thể sanh vào trong các gia đình giàu có hoặc có đẳng cấp cao trong xã hội. Họ thường bắt đầu từ tầng lớp thấp nhất như đức Phật liệt kê ở trên. Một số nghề với chúng ta bây giờ có thể là bình thường, nhưng trong quan điểm thời bấy giờ tại Ấn Độ thì đó là nghề thấp kém.

Đó là về xuất thân, bây giờ nói về hình tướng. Họ sẽ chịu những bất toàn, không cân đối hoặc có khuyết điểm gì đấy trên cơ thể như lùn, có bệnh, khiếm khuyết, tật nguyền,...

Vậy khi tái sanh lại làm người, người ác sẽ phải chịu những thiếu thốn về xuất thân và hình tướng. Và rồi lớn lên trong môi trường sống hèn kém, thiếu thốn nhiều thứ, không được giáo dục đàng hoàng, mà cả đời chỉ lo mưu sinh bằng mọi cách để tồn tại nên loại người này tiếp tục tạo nghiệp bất thiện, không biết cách tạo trữ phước lành nên khi mệnh chung lại đọa vào khổ thú, địa ngục trở lại!

26. Ví như, này các tỳ-khuru, một người đánh bạc, trong canh đở bạc đầu tiên, mất con, mất vợ, mất tất cả tài sản, lại cuối cùng phải (bị) tù tội. Nhưng này các tỳ-khuru, còn nhỏ bé (là) canh đở bạc ấy, do canh đở bạc đầu tiên này, người ấy mất con, mất vợ, mất tất cả tài sản, lại cuối cùng phải (bị) tù tội. Và canh bạc này to lớn hơn, với canh bạc ấy, người ngu, do thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các tỳ-khuru, đây là địa xứ hoàn toàn viên mãn của kẻ ngu.

Đức Phật đưa ra ví dụ, một người vì lòng tham, vì say mê bài bạc, đã đem tất cả tiền bạc, tài sản, kể cả vợ con đổ vào canh bạc ấy rồi cuối cùng mất hết và còn bị tù tội. Nhưng hậu quả đó vẫn còn quá nhỏ nhoi so với người có thân làm ác, khẩu làm ác và ý làm ác phải bị đọa xuống các cõi dữ; sự mất mát, sự tổn hại ở đây còn lớn hơn ngàn vạn lần. Và Ngài kết luận, đối với những kẻ ngu, ác thì quả báo ở tại địa ngục và cõi thú như nhóp, bần thiêu, thấp kém là hoàn toàn xứng đáng. Ngài gọi là “địa xứ viên mãn” chính theo ý nghĩa này.

Và bây giờ, đức Phật trình bày một hình ảnh trái ngược với loại người trên, những người thiện lương, người hiền trí. Chữ Pāḷi “pandita” là người có trí, làm việc gì cũng sáng suốt, có đầu óc phân biệt phải quấy, đúng sai, có đời sống hiền lương tốt đẹp.

Người hiền trí

1. Quả hiện tại của người trí

27. *Này các tỳ-khuru, có ba đặc điểm, đặc tướng, và đặc ấn này của người trí. Thế nào là ba? Ở đây, này các tỳ-khuru, người trí tư duy thiện tư duy, nói lời thiện ngữ, và hành các thiện hạnh. Này các tỳ-khuru, nếu người trí không tư duy thiện tư duy, không nói lời thiện ngữ, không hành các thiện hạnh, thì làm sao kẻ trí biết được người ấy: “Vị này là người trí, là chân nhân?” Và vì rằng, này các tỳ-khuru, người trí tư duy thiện tư duy, nói lời thiện ngữ, hành thiện hạnh, do vậy người trí biết người ấy: “Vị này là người có trí, là bậc chân nhân”.*

28. *Người trí ấy, này các tỳ-khuru, ngay trong hiện tại cảm thọ ba loại lạc hỷ. Này các tỳ-khuru, nếu người trí ngồi giữa hội chúng, hay ngồi bên đường có xe cộ qua lại, hay tại ngã (ba, ngã tư) đường, tại đấy (nếu) có người nghĩ đến câu chuyện thích hợp về người ấy; nếu người trí, này các tỳ-khuru, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hành trong dâm dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ say rượu men rượu nấu, thì ở đây này các tỳ-khuru, người trí ấy suy nghĩ như sau: “Các người ấy nghĩ đến câu chuyện thích hợp về ta, vì những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy”. Này các tỳ-khuru, đây là loại lạc hỷ thứ nhất, người trí cảm thọ ngay trong hiện tại.*

Như vậy, mọi người có thể đánh giá một người là hiền trí thông qua các thể hiện thiện hành của người ấy về thân, về khẩu, và ý. Đó là những hành vi mà chúng ta hay quen gọi là Ngũ giới. Như đã trình bày trong những bài giảng trước, chúng ta cần phải hiểu rộng rãi đó là Năm nguyên tắc sống lành mạnh, chứ không phải chỉ là những điều cấm như cách hiểu xưa nay về giới.

- Điều 1: Tôn trọng sự sống, bảo vệ sự sống, không sát sinh hại vật.

- Điều 2: Tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu, không lấy của không cho, không trộm cắp, lừa gạt, lừa đảo.

- Điều 3: Tôn trọng, bảo vệ hôn nhân là một trong những điều hệ trọng trong đời sống. Không được tà hạnh, mà phải biết tri túc, giữ gìn đúng mức đối với những ham muốn thể xác, làm chủ được bản thân và coi trọng trách nhiệm, bổn phận đối với gia đình, vợ chồng, con cái.

- Điều 4: Tôn trọng, bảo vệ sự thật, không nói lời hư dối, không nói lời lừa gạt, không nói lời độc ác, hạ nhục, làm mất mặt người khác, hạ thấp giá trị người khác, cũng như không “thêm mắm dặm muối”, hư cấu những câu chuyện, có nói không, không nói có,...

- Điều 5: Tôn trọng, bảo vệ sức khỏe và sự sáng suốt của bản thân bằng cách không sử dụng các loại rượu và các chất gây nghiện.

Người trí chính là người thể hiện đời sống của mình luôn sống phù hợp, tùy thuận theo Năm nguyên tắc sống lành mạnh này. Vì vậy, khi người ấy xuất hiện ở bất kỳ chỗ nào trong đám đông, khi có người nhận ra người ấy, người ta sẽ truyền tai nhau những câu chuyện tốt đẹp về người ấy, như là một tấm gương cho người khác noi theo. Đó là lạc hỷ thứ nhất mà một người hiền trí, một người thiện lương có thể cảm nhận được ngay trong đời sống hiện tại.

29. *Lại nữa này các tỳ-khuru, người trí thấy các vua chúa, sau khi bắt tên trộm cướp phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi; họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bói đờn hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khâu hình, hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), chúc thủ hình (dùng lửa đốt tay), khu hành hình (lấy rom bện lại rồi siết chặt), bì y hình (lấy vỏ cây làm áo), linh dương hình (hình phạt con dê núi), câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt), tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền), khối tráp hình, chuyển hình, cao đập đài, họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu.*

Ở đây, này các tỳ-khuru người trí suy nghĩ như sau: “Do nhân các ác hành như vậy, các vua chúa

sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng những hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng ... (như trên) ..., họ lấy gươm chặt đầu, những pháp ấy thật không có nơi ta, và ta không có những pháp ấy”. Nay các tỳ-khuru, đây là loại lạc hỷ thứ hai, người trí cảm thọ ngay trong hiện tại.

Người hiền lương khi thấy pháp luật nghiêm trị những tội phạm bằng các hình phạt khác nhau, từ nhẹ đến nặng, thì người ấy suy nghĩ rằng: Với những người phạm tội, sống với những ác hạnh thì chắc chắn bị pháp luật trừng trị; Còn mình có đời sống thiện hạnh, không làm các ác hạnh. Thay vì sát sinh hại vật thì mình sống tôn trọng và bảo vệ sự sống. Thay vì trộm cắp lừa đảo thì mình lại chia sẻ, hỗ trợ người khác bằng khả năng mình có,... Và người đó hoan hỉ với tự thân mình về những thiện hạnh đã làm. Mặt khác, biết chắc rằng mình trong sạch nên sẽ không bị pháp luật hỏi han đến. Đó là lạc hỷ thứ hai của người hiền lương, sống thiện lương ở hiện tại có thể cảm nhận được.

30. Lại nữa, này các tỳ-khuru, khi người trí leo ngòi trên ghế, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ những thiện nghiệp người ấy làm từ trước, như thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ví như, này các tỳ-khuru, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các

tỳ-khuru, khi người trí ngồi trên ghế hay ngồi trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi các nghiệp quá khứ của người ấy tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành treo năm, treo áp, treo đê trên người ấy. Ở đây, này các tỳ-khuru, người trí suy nghĩ như sau: “Thật sự ta không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi, lại làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống sợ hãi. Do không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi, do làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống sợ hãi, được đi đến (thiện) thú nào, (thiện) thú ấy sau khi chết, ta được đi”. Vị ấy không sầu muộn, không than van, không than khóc, không đấm ngực, rên la và rơi vào bất tỉnh. Này các tỳ-khuru, đây là sự lạc hỷ thứ ba, ngay trong hiện tại người trí được cảm thọ.

Người hiền lương sống đời sống phù hợp cho nên không bị ám ảnh, không bị chi phối, không bị tác động, không phải lo âu sầu muộn bởi những ác nghiệp giống như người ác, nên họ có đời sống an lạc ngay trong hiện tại. Đó là lạc hỷ thứ ba.

Như vậy, người trí với ba biểu hiện là: suy nghĩ tốt lành, lời nói tốt lành và hành động tốt lành thì trong hiện tại sẽ cảm nhận được ba loại an vui sau:

1. Người hiền trí sẽ rất an vui khi được nhiều người biết đến hạnh sống tốt lành của mình và luôn làm lợi ích cho cả hai.

2. Người hiền trí biết luật pháp với những hình phạt đáng sợ nhưng không lo lắng, sợ hãi, ngược lại sẽ cảm nhận được an vui vì bản thân không có hành vi, lối sống bất thiện.

3. Người hiền trí không bao giờ bị ám ảnh bởi các hành vi xấu độc, mà tâm trí thường vui vẻ khi nhớ đến các việc tốt lành mình từng tạo trử nên rất an vui.

2. Cảnh giới tái sinh của người trí

2.1. Cõi Thiên

31. Nay các tỳ-khuru, kẻ trí kia sau khi làm thân thiện hành, sau khi làm khẩu thiện hành, sau khi làm ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra trong thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

32. Nay các tỳ-khuru, nếu có ai nói một cách đúng đắn về vị ấy phải nói rằng vị ấy hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về thiên giới phải nói rằng thiên giới hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn thích ý. Về vấn đề này, nay các tỳ-khuru, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự (an) lạc của thiên giới.

Khi được nói vậy, một tỳ-khuru khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể làm cho con một ví dụ được không?

Đức Phật chuyển mạch từ câu chuyện của người ngu, kể trí chuyển sang giới thiệu về lạc hỷ của cõi thiên. Cõi trời mà đức Phật nói đến trong bài kinh này chính là các cõi trời Dục giới, gồm sáu tầng: thấp nhất là cõi Tứ đại thiên vương; thứ hai là cõi Đao-lợi (Tāvātimsa) thiên; thứ ba là cõi Dạ-ma (Yāma) thiên, thứ tư là cõi Đâu-xuất (Tusita) thiên, thứ năm là Hóa lạc thiên và thứ sáu là Tha hóa tự tại thiên. Phải nói rằng lạc hỷ ở cõi đời, cho dù ghê gớm thế nào đi nữa thì nó quá nhỏ so với lạc hỷ cõi thiên, rất khó diễn đạt đầy đủ hoặc đúng mức những lạc thú, an lạc này.

33. - Có thể được, này tỳ-khuru. Ví như, này các tỳ-khuru, vị vua Chuyển luân có đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức, do nhân duyên ấy cảm thọ lạc hỷ. Thế nào là bảy?

Đề cho các vị tỳ-khuru đang thính pháp được rõ, đức Phật đưa ra một ví dụ về vị Chuyển luân vương với bảy báu và bốn như ý đức dưới đây.

34. Ở đây, này các tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, vào ngày Bố-tát trăng rằm, sau khi gọi đầu, lên cao điện để trai giới, thời thiên luân báu hiện ra, đủ một ngàn cọng xe, với vành xe, trục xe, đủ mọi bộ phận. Thấy vậy, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh suy nghĩ: “Ta nghe như vậy: Khi một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh vào ngày Bố-tát trăng rằm, sau khi gọi đầu, lên cao điện để trai giới, nếu có thiên

luân báu hiện ra, đủ một ngàn cọng xe, với vành xe và trục xe, đủ mọi bộ phận, thời vị vua ấy là Chuyển luân vương. Như vậy, ta có thể là Chuyển luân vương”.

Sát-đế-ly chỉ một đẳng cấp theo phân loại của xã hội Ấn Độ bấy giờ, là đẳng cấp thứ hai đứng sau các vị chủ tế Bà-la-môn. Giai cấp này thường là những người có quyền lực như vua chúa, tướng quân,...

Ngày bố-tát tức là ngày sám hối (Uposatha - theo phiên âm). Còn quán đảnh là nghi thức lên ngôi vua. Ở đây, theo phong tục Ấn Độ thời xưa, các vị chủ tế bà-la-môn đại diện cho Phạm thiên làm lễ rót nước lên đỉnh đầu nhà vua, như một nghi thức suy tôn vị đó lên nắm giữ quyền lực cao nhất của quốc gia.

Sau khi lên trên điện trong ngày này thì một Thiên luân báu hiện ra. Đây là chiếc xe báu ở cõi trời, xuất hiện với các bộ phận đầy đủ.

35. Nay các tỳ-khuru, rồi vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, từ chỗ ngôi đứng dậy, đắp thượng y trên một vai, tay trái cầm bình nước và với tay phải rưới nước trên xe báu và nói: “Này xe báu hãy lăn khắp. Này xe báu hãy chinh phục!” Và nay các tỳ-khuru, xe báu lăn về hướng Đông và vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Và nay các tỳ-khuru, chỗ nào xe báu dừng lại, chỗ ấy vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Này các tỳ-khuru, các địch vương ở phương Đông đến yết kiến vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, và nói: “Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương, tất cả đều thuộc của ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi!”

Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, nói rằng: “Không được sát sanh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được uống rượu. Hãy ăn uống cho thích nghi”.

Này các tỳ-khuru, tất cả địch vương ở phương Đông đều trở thành chư hầu vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Bốn loại binh chủng ngày xưa là binh voi, binh ngựa, bộ binh và xa binh. Địch vương tức là những vị vua trước đây là thù địch của vị vua này.

Khi nhìn thấy thiên luân báu xuất hiện thì theo truyền thống được truyền lại, người ta biết rằng người đó chính là vị Chuyển luân vương, là người được các lực lượng trên thiên giới ủng hộ. Theo quan điểm như thế, cho nên các vị vua ở dưới mặt đất thường sẽ khuất phục ngay nên vị vua Chuyển luân vương chinh phục các nước khác không phải bằng sức mạnh của binh lực, mà bằng thiên luân báu và lời sống đạo đức cùng những giáo huấn tốt đẹp của vị ấy. Và nội dung giảng giải của một vị vua Chuyển luân vương cũng chỉ là Năm nguyên tắc sống lành mạnh.

Nó được phổ cập trong những xã hội có trình độ nhận thức, xem trọng tinh thần, đời sống an lạc, hài hòa mọi thứ, chứ không quá xem nặng phát triển về vật lực. Vua Chuyển luân chính là biểu tượng cho những sự thật này.

Này các tỳ-khuru, rời xe báu lặn xuống biển lớn ở phương Đông, nổi lên rồi lặn về phương Nam...; lặn xuống biển lớn ở phương Nam, nổi lên rồi lặn về phương Tây...; lặn xuống biển lớn ở phương Tây, nổi lên rồi lặn về phương Bắc, và vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Này các tỳ-khuru, chỗ nào xe báu dừng lại, chỗ ấy vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Này các tỳ-khuru, các địch vương ở phương Tây, Nam, Bắc đến yết kiến vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, và nói: “Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương, tất cả đều thuộc của ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi!”

Này các tỳ-khuru, tất cả địch vương ở các phương ấy đều trở thành chư hầu vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Này các tỳ-khuru, xe báu ấy sau khi chinh phục trái đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô Kusāvati, và đứng trước pháp đình, trên cửa nội cung như một

trang bảo cho nội cung của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh. Nay các tỳ-khuru, như vậy là sự xuất hiện của xe báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Và đức vua giáo huấn tất cả các vua nước khác về việc sống theo Năm nguyên tắc sống này, và từ đó những vị vua và dân chúng ở địa phương đó đều trở thành chư hầu của nhà vua này. Vậy thiên luân báu chính là món báu vật thứ nhất.

36. Lại nữa, nay các tỳ-khuru, voi báu xuất hiện cho vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, thuần trắng, bảy xú kiên cường có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Uposatha (Bố-tát). Thấy voi báu, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: “Lành thay được cỡi con voi này, nếu nó chịu sự điều ngự”. Và nay các tỳ-khuru, như một con hiền tượng quý phải chịu sự điều ngự lâu ngày, con voi báu ấy tự đến để chịu điều ngự. Nay các tỳ-khuru, thuở xưa, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, để thử voi báu này, sáng sớm cỡi voi đi khắp quả đất cho đến hải biên rồi về lại kinh đô Kusāvati kịp giờ ăn sáng. Nay các tỳ-khuru, như vậy là sự xuất hiện voi báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Bạch tượng báu là một biểu tượng cao quý. “Bảy xú kiên cường” có lẽ là bảy bộ phận trên thân thể của một con voi, biểu hiện con voi có sức mạnh phi thường. Ở đây chúng tôi xin mở ngoặc để nói

thêm một chút, đó là kinh thành Kusāvātī, voi báu Uposatha và câu chuyện về vị Chuyển luân vương này từng được đức Phật xác định đây chính là tiền thân của Ngài trong quá khứ.

Vậy voi báu chính là món báu vật thứ hai.

37. Lại nữa, này các tỳ-khuru, ngựa báu xuất hiện cho vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, thuần trắng, đầu đen như quạ, bờm ngựa màu đen, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Valāhaka. Thấy ngựa báu, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: “Tốt đẹp thay được cỡi con ngựa này nếu nó chịu sự điều ngự”. Và này các tỳ-khuru, như một con hiền mã quý phái, chịu sự điều ngự lâu ngày, con ngựa báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Này các tỳ-khuru, thuở xưa, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh để thử con ngựa báu này, sáng sớm liền cỡi ngựa, đi khắp quả đất cho đến hải biên, rồi về lại kinh đô Kusāvātī kịp giờ ăn sáng. Này các tỳ-khuru, như vậy là xuất hiện ngựa báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Và ngựa báu chính là món báu vật thứ ba.

38. Lại nữa, này các tỳ-khuru, châu báu lại xuất hiện cho vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh. Châu báu ấy là lưu ly châu, sáng suốt, thuần chất, có tám mặt, khó dũa, khó mài, thanh tịnh, trong suốt, hoàn hảo mọi phương diện. Này các tỳ-khuru, hào quang

châu báu này chiếu sáng cùng khắp một do tuần. Nay các tỳ-khuru, thuở xưa, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh để thử châu báu này đã cho dàn bày bốn binh chủng, đặt bảo châu cao trên quân kỳ và có thể tiến quân trong đêm tối âm u. Nay các tỳ-khuru, mọi người trong làng ở xung quanh đều bắt đầu làm việc, tưởng rằng trời đã sáng rồi. Nay các tỳ-khuru, như vậy là sự xuất hiện châu báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Một do-tuần, tiếng Pāli là yojana, ước tính khoảng chừng mười sáu cây số. Ánh sáng của châu báu này chiếu xa đến một do-tuần tính từ điểm trung tâm, sự chiếu sáng của nó cực kỳ mãnh liệt. Vây ngọc báu, đó là cái báu thứ tư.

39. Nay các tỳ-khuru, nữ báu lại xuất hiện cho vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, mỹ miều, khả ái, cử chỉ đoan trang, màu da tuyệt mỹ, không quá cao, không quá thấp, không béo, không gầy, không quá đen, không quá trắng, vượt trên dung sắc loài người, ánh sáng bằng dung sắc chư thiên. Nay các tỳ-khuru, thân xác nữ báu này là (êm mịn) như bông, như nhung. Nay các tỳ-khuru, khi trời lạnh, chân tay nữ báu này trở thành ấm áp. Khi trời nóng, trở thành lạnh mát. Nay các tỳ-khuru, thân nữ báu tỏa mùi thơm chiên đàn, miệng tỏa mùi thơm hoa sen. Nay các tỳ-khuru, nữ báu này dậy trước và đi ngủ sau vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, mọi hành động làm vua

thỏa thích, yên lành khả ái. Nay các tỳ-khuru, nữ báu này không có một tư tưởng nào bất tín đối với vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, huống nữa là về thân thể. Nay các tỳ-khuru, như vậy là sự xuất hiện nữ báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Một mỹ nữ hoàn hảo về mọi phương diện từ hình sắc, âm thanh cho đến ứng xử và là một người phụ nữ hoàn toàn thuần thực, chung thủy đối với nhà vua. Đây là món báu thứ năm.

40. Lại nữa, nay các tỳ-khuru, cư sĩ báu xuất hiện cho vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, chứng được thiên nhãn, do nghiệp dị thực sanh và nhờ thiên nhãn này có thể thấy châu báu chôn cất có chủ hay không có chủ. Cư sĩ báu này đến vua Sát-đế-ly đã làm quán đảnh và nói:

- Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ xử lý thích nghi tài sản Đại vương.

Này các tỳ-khuru, thuở xưa vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, muốn thử cư sĩ báu này, liền cỡi thuyền, chèo ra giữa sông Hằng và bảo cư sĩ báu:

- Này cư sĩ, ta cần vàng.

- Tâu Đại vương, hãy cho chèo thuyền gần bờ nào cũng được.

- Này cư sĩ, ta cần vàng ngay tại đây.

Này các tỳ-khuru, khi ấy cư sĩ báu thọc hai tay xuống nước nhấc lên một ghè đầy cả vàng ròng rồi râu với vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh:

- Tâu Đại vương, như vậy đã đủ chưa? Tâu Đại vương, làm như vậy đã được chưa?

Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh trả lời:

- Này cư sĩ, như vậy là đủ. Này cư sĩ, làm như vậy là được rồi. Này cư sĩ, cúng dường như vậy là được rồi.

Này các tỳ-khuru, như vậy là sự xuất hiện cư sĩ báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

“Nghịệp dị thục sanh” tức là do phước báu trong quá khứ. Đoạn trên ý nói người cư sĩ có khả năng thiên nhãn, do thiện nghịệp trong quá khứ, vị ấy có thể thấy châu báu có chủ hoặc không có chủ ở khắp nơi, trên mặt đất và cả dưới nước. Cho nên khi vua Chuyển luân vương cần lấy ở đâu và nơi nào, thì người cư sĩ đều có thể đáp ứng được. Đây là món báu thứ sáu.

41. Lại nữa, này các tỳ-khuru, tướng quân báu xuất hiện cho vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, có học thức, thông minh, sáng suốt, có khả năng khuyến cáo vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, khi đáng tiến thì tiến, khi đáng lùi thì lùi, khi đáng dừng thì dừng.

Vị này đến tâu vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh:

- Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ cố vấn Đại vương.

Này các tỳ-khuru, như vậy là sự xuất hiện tướng quân báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh.

Như vậy vị vua Sát-đế-ly đã quán đánh có bảy báu, và bây giờ là bốn như ý đức.

Này các tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh có đầy đủ bảy báu như vậy.

Món báu thứ bảy là một vị tướng quân có khả năng cầm binh, bố trận tài giỏi.

Như vậy, bảy báu của vị Chuyển luân vương gồm: thiên luân báu (xe báu), voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu (thần tài) và tướng quân báu.

Ta đi tiếp đến bốn như ý đức của một vị Chuyển luân vương.

42. Lại nữa, này các tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh có đầy đủ bốn như ý đức. Thế nào là bốn?

Này các tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh đẹp trai, khả ái, cử chỉ thanh lịch, sắc diện tuyệt luân, thấy xa hơn mọi người. Này các tỳ-khuru, đó là như ý đức thứ nhất của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh.

Như ý đức thứ nhất là dung sắc vượt trội.

43. *Này các tỳ-khuru, lại nữa, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh sống lâu, tuổi thọ thắng xa các người khác. Này các tỳ-khuru, đó là như ý đức thứ hai của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.*

Như ý đức thứ hai là có thọ mạng hơn người.

44. *Lại nữa, này các tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh ít bệnh tật, ít tai ương, thể nhiệt không quá lạnh, không quá nóng, được quân phân để điều hòa sự tiêu hóa, thắng xa các người khác. Này các tỳ-khuru, đó là như ý đức thứ ba của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.*

Như ý đức thứ ba là sức khỏe tốt hơn người.

45. *Lại nữa này các tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh được các Bà-la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Này các tỳ-khuru, như người cha được các người con ái kính và yêu mến, cũng vậy, này các tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh được các Bà-la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Này các tỳ-khuru, các vị Bà-la-môn và gia chủ được vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh ái kính và yêu mến. Này các tỳ-khuru, như những người con được người cha ái kính và yêu mến, cũng vậy, này các tỳ-khuru, các Bà-la-môn và gia chủ được vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh ái kính và yêu mến. Thuở xưa, này các*

tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh đi đến hoa viên cùng với bốn loại binh chủng. Nay các tỳ-khuru, các Bà-la-môn và gia chủ đến vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh và tâu rằng:

- Tâu Đại vương, hãy cho đi chậm chậm để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng lâu dài hơn.

Này các tỳ-khuru nhưng vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh lại ra lệnh cho người đánh xe:

- Nay anh đánh xe, hãy đánh xe chậm chậm đủ để ta có thể thấy các vị Bà-la-môn và gia chủ lâu dài hơn.

Này các tỳ-khuru, như vậy là như ý đức thứ tư của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Và này các tỳ-khuru, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh suy nghĩ: “Nay ta hãy cho xây những hồ sen giữa các hàng cây Tāla, cứ cách khoảng một trăm cung tầm!”

Này các tỳ-khuru, vua Chuyển luân có đầy đủ bốn như ý đức này.

Như vậy, như ý đức thứ tư là lòng thương yêu bá tánh và được nhân dân yêu mến, kính trọng. Điều này thể hiện qua ví dụ đức Phật đưa ra ở trên; trong đó có việc nhà vua cho xây các hồ sen, một trong những công trình phúc lợi quan trọng ở một đất nước quanh

năm có nhiều tháng nắng nóng như Ấn Độ, để dân chúng được hưởng sự mát mẻ.

Vậy, ta có bốn như ý đức của vị Chuyển luân vương là: sắc đẹp hơn người, sống lâu hơn người, khỏe mạnh hơn người, được nhân dân yêu kính và cũng rất yêu thương bá tánh.

46. *Này các tỳ-khuru, các ông nghĩ thế nào? Vua Chuyển luân, đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức, do nhân duyên ấy, có cảm thọ lạc hỷ không?*

- *Bạch Thế Tôn, vua Chuyển luân chỉ đầy đủ một món báu, do nhân duyên ấy, có cảm thọ lạc hỷ, còn nói gì đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức.*

47. *Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói với các tỳ-khuru:*

- *Này các tỳ-khuru, các ông nghĩ thế nào? Cái gì lớn hơn? Hòn đá này, to bằng bàn tay do ta lượm lên hay núi Tuyết Sơn, vua các loại núi?*

- *Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn là hòn đá này, lớn bằng bàn tay, do Thế Tôn lượm lên, so sánh với Tuyết Sơn vua các loại núi, nó không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần (của núi Tuyết), nó không thể so sánh được.*

- *Cũng vậy, này các tỳ-khuru, vua Chuyển luân với bảy món báu và bốn như ý đức, do nhân duyên ấy*

cảm thọ lạc hỷ, lạc hỷ ấy so sánh với thiên lạc không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được.

Tái sanh về cõi thiên, ngược với địa ngục, nơi này là sáu cõi trời Đục giới hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn đáng ưa, hoàn toàn thích ý. So sánh với các điều kiện lạc hỷ cõi người thì Đục giới thiên là một đẳng cấp vượt trội gấp ngàn vạn lần. Để tạm so sánh, đức Phật đưa ra ví dụ về quyền lực, lối sống thụ hưởng vật chất xa hoa tột bậc nhân gian của một vị Chuyển luân vương - một biểu tượng tốt đẹp nhất về mọi thứ đáng mơ ước có thể có ở đời. Nhưng so với thiên lạc thì không bằng một phần ngàn vạn lần, quá nhỏ bé đến mức không đáng kể, không thể so sánh được dù là lạc hỷ của vị Chuyển luân vương, có những phước đức phi thường.

2.2. Cõi Người

48. Nay các tỳ-khuru, người có trí ấy, nếu sau một thời gian rất lâu dài, được sinh làm người, người ấy sẽ sinh ra trong một gia đình cao quý Sát-đế-lỵ đại gia, hay Bà-la-môn đại gia, hay cư sĩ đại gia, giàu có, tài sản nhiều, tài nguyên nhiều, vàng và bạc phong phú, tài vật phong phú, lúa thóc phong phú. Hơn nữa, vị ấy đẹp trai, khả ái, dễ thương, đầy đủ dung sắc tối thượng. Vị ấy nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, giường, trú xứ và ánh sáng.

Vị ấy sống với thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành. Sống với thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh lên thiện thú, thiên giới.

49. Ví như, này các tỳ-khuru, một người đánh bạc, chính trong canh bạc thứ nhất (đổ xúc xúc) được tiền bạc rất nhiều. Thật là quá nhỏ, này các tỳ-khuru, là canh bạc ấy, nhờ canh bạc đầu tiên này, người đánh bạc ấy được tiền bạc rất nhiều. Lớn hơn canh bạc ấy là canh bạc, nhờ đó, người trí sau khi hành thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các tỳ-khuru, đây là địa vực hoàn toàn viên mãn của bậc có trí.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các tỳ-khuru ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Và đức Phật quay trở về với vấn đề một người sống đời sống hành thiện về thân, về khẩu, về ý, sau khi thân hoại mạng chung người ấy chắc chắn sẽ được tái sinh về cảnh giới tốt lành. Nếu vào cõi người thì người ấy sẽ sinh trong một gia đình giàu có, đầy đủ tất cả tài sản, của cải vật chất, có thân hình đẹp đẽ, ngũ quan đoan chính, đầy đủ. Và khi người ấy tiếp tục sống thiện, hành thiện về thân, khẩu, ý thì trước sau gì người ấy cũng được tái sinh lên thiện thú, thiên giới.

Kết luận

Trong bài kinh có một điểm nổi trội hơn hết cần lưu ý là: với nội dung trình bày rất rõ ràng về người xấu ác và người hiền lành như trên, đức Phật xác định, do nhận thức (suy nghĩ) và hành động (lời nói, việc làm) dựa trên Năm nguyên tắc sống lành mạnh (Ngũ giới) là nguyên nhân khiến con người bị sa đọa vào cảnh khổ (cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục) hoặc được tái sinh vào cảnh an vui (cõi trời Dục giới, cõi người). Có thể từ pháp thoại này, về sau đã hình thành nên câu nói: “*Ngũ giới bất trì nhân thiên lộ triệt*”.

Như vậy là chấm dứt bài kinh Hiền Ngụ hôm nay tại đây. Xin cảm ơn mọi người đã lắng nghe và chia sẻ cùng chúng tôi những hiểu biết về bài kinh này. Cầu chúc tất cả mọi người được an vui!

Soi sáng lời dạy của đức Phật số 5, năm 2020